

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 3 - 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Dung

2. Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Chinh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: số nhà 14, ngõ 177, đường T, phố N, phường TT, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Hạ Vũ Q, sinh năm 1988.

Địa chỉ: phòng 809A - Tower A-651, Manila, Cộng hòa Philippines.

Tại phiên tòa: có mặt chị H; anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2021, bản tự khai ngày 01 tháng 12 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hạ Vũ Q có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 10 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số nhà 14, ngõ 177, đường T, phố N, phường TT, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 5 năm đầu, nhưng sau đó từ năm 2019 cho đến nay giữa hai vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống của vợ chồng quá khác biệt, thường xuyên bất đồng quan điểm trong kinh tế, nơi

ở... tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, gia đình hai bên cũng đã khuyên ngăn nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không được cải thiện, khó có thể tiếp tục sống chung một mái nhà. Tháng 9 năm 2019 anh đi lao động tại Cộng hòa Philippines, từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai, nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hạ Vũ Q để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Chị và anh Hạ Vũ Q có 01 con chung là cháu Hạ Vũ Hải A, sinh ngày 03/8/2014, hiện nay cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hải A. Về mức cấp dưỡng nuôi con, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh Hạ Vũ Q không có tài sản gì, không có công nợ, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 12 năm 2021 bị đơn anh Hạ Vũ Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn với nhau vào ngày 30/10/2013, anh chị có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số nhà 14, ngõ 177, đường , phố N, phường TT, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Thời gian 05 năm đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, luôn xảy ra bất đồng quan điểm sống trong kinh tế, gia đình. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục, cải thiện được. Từ tháng 9 năm 2019 anh đi lao động tại Philippines, từ đó đến nay tình cảm vợ chồng không còn ngày càng xa cách, không thể chung sống cùng nhau được, nay chị H làm đơn xin ly hôn, quan điểm của anh Hạ Vũ Q đồng ý ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Anh Hạ Vũ Q và chị Nguyễn Thị Thu H có 01 con chung là cháu Hạ Vũ Hải A, sinh ngày 03/8/2014, hiện nay cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án xem xét cho chị H được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Hạ Vũ Hải A. Quan điểm của anh Q cũng đồng ý để chị H chăm sóc nuôi cháu. Về mức cấp dưỡng cho con anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000đồng (năm triệu đồng) cho đến khi cháu Hạ Vũ Hải A trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Hạ Vũ Q và chị Nguyễn Thị Thu H không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do điều kiện không về Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình để giải quyết vụ án ly hôn với chị H được, nên anh Q đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và các giấy tờ, tài liệu chứng minh địa chỉ cư trú tại Philippine anh Q đã gửi Tòa án. (các giấy tờ văn bản tố tụng của Tòa án nếu gửi cho anh Q, anh Q đề nghị gửi về theo địa chỉ Hạ Vũ C - Chung cư CT6A1 XL, KH, Hà Đông, Hà Nội.)

Tại bản trình bày ý kiến ngày 19/01/2022 của cháu Hạ Vũ Hải A, cháu là con gái

của bố Vũ Hạ Q và mẹ Nguyễn Thị Thu H, nay bố mẹ cháu không sống cùng nhau, nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hạ Vũ Q và chị xin được trực tiếp, chăm sóc nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có quốc tịch Việt Nam, địa chỉ: số nhà 14, ngõ 177, đường T, phố N, phường TT, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Bị đơn anh Hạ Vũ Q có quốc tịch Việt Nam, địa chỉ: phòng 809A - Tower A - 651, Manila, Cộng hòa Philippines (Có xác nhận của Đại Sứ quán Việt Nam tại Philippines xác nhận địa chỉ cư trú). Địa chỉ thường trú trước khi xuất cảnh: Đội 4, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 51, Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án, bị đơn anh Hạ Vũ Q đã có Bản tự khai đề ngày 10/12/2021, Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 10/12/2021 gửi qua đường bưu điện. Các văn bản của anh Hạ Vũ Q gửi cho Tòa án đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Philippines. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hạ Vũ Quân theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Hạ Vũ Q được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 10 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Hà Nội. Hôn nhân giữa chị H và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số nhà 14, ngõ 177, đường T, phố N, phường TT, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Mặc dù gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không được cải thiện. Tháng 9 năm 2019 anh Q đi lao động tại Cộng hòa Philippines, từ đó đến nay chị H và anh sống ly thân, mỗi người mỗi nơi không ai quan tâm đến ai, trên thực tế cuộc sống gia đình và quan hệ vợ chồng giữa anh Q và chị là không có, anh Q, chị H đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng căng

thăng, anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện tại anh Q đang làm ăn sinh sống tại Philippines, chị H cư trú ở Việt Nam, đồng thời do xa cách về địa lý, vì vậy khả năng đoàn tụ vợ chồng là không có. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định hôn nhân giữa anh Q và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H.

[4]. Về con chung: chị Nguyễn Thị Thu H và anh Hạ Vũ Q xác nhận anh chị có một con chung là cháu Hạ Vũ Hải A, sinh ngày 03/8/2014, hiện nay cháu đang ở cùng với chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hạ Vũ Hải A. Xét thấy anh Q đang làm ăn ở Philippines, điều kiện trực tiếp nuôi con chung là chưa có, cháu Hải A đang ở độ tuổi đi học cần có sự chăm sóc, nuôi dạy, chỉ bảo ân cần của người mẹ. Hơn nữa cháu Hải A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ cháu ly hôn. Tại bản tự khai anh Q cũng đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Vì vậy, cần giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Hạ Vũ Hải A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng cho con: Chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; Anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho đến khi cháu Hạ Vũ Hải A trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Q không trực tiếp chăm sóc nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 5.000.000đồng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện của anh Hạ Vũ Q.

[5]. Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh Q đều xác định anh chị không có tài sản chung, không nợ ai, không đề nghị Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: vào các Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 235, Điều 469, Điều 470, Điều 471, Điều 474, Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” đối với anh Hạ Vũ Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Hạ Vũ Q.

2. Về con chung: Giao cháu Hạ Vũ Hải A, sinh ngày 03/8/2014 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng cho con: Anh Hạ Vũ Q tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng) kể từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi cháu Hạ Vũ Hải A đủ 18 tuổi. Anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này. Khi cần các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Q, chị đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000011 ngày 23/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

5. Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10 tháng 3 năm 2022); Bị đơn anh Hạ Vũ Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa DS; HCTP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Trần Thị Sâm

